TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGHI SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2020/HS-ST
Ngày: 24-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tòng

2. Ông Lê Văn Tấn

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Kim Duy Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại Toà án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 137/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Lê Thị N** - sinh ngày: 10/5/1979 tại phường H, thị xã N, Thanh Hóa; Nơi ĐKHKTT: Thôn C, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Thôn B, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thế T - sinh năm 1952; Con bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1952; Không có chồng; Có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2004;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2015, bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia (nay là Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn) xử phạt 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 27/7/2020 đến nay (có mặt)

2. **Nguyễn Xuân H** - sinh ngày: 08/01/1985 tại xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn B, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc L - sinh năm 1939; Con bà

Nguyễn Thị T (đã chết); Có vợ là: Dương Thị A - sinh năm 1983; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến ngày 24/8/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh" (có mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Chị Nguyễn Thị M - sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

+ Anh Nguyễn Minh H1 - sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Thôn H, phường M, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

+ Anh Lê Hữu C - sinh năm: 1972

+ Chị Lê Thị O - sinh năm: 1977

Đều có nơi cư trú: Thôn C, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị N mở quán bán cà phê và sinh sống tại thôn B, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; ngày 30/6/2020, N thuê chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983, trú tại thôn L, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đến phục vụ bán cà phê cho quán. Trong quá trình phục vụ bán cà phê thì M có nói với N là ngoài phục vụ bán cà phê thì M sẽ bán dâm nếu khách có nhu cầu. Sau đó, N và M thống nhất với nhau là N sẽ bao ăn, ở; M phục giúp bán cà phê và mỗi lần bán dâm thì M phải chia cho N 100.000 đồng.

Khoảng 21h30' ngày 02/7/2020, Nguyễn Minh H1, sinh năm 1990, trú tại thôn H, phường M, thị xã N gọi điện cho Nguyễn Xuân H đến đón (H làm nghề lái xe taxi, BKS: 36A-348.xy của hãng Mai Linh, trước đó có chở H1 đến quán để ăn uống cùng bạn). Khi đi trên xe, H1 bảo H chở đến nhà nghỉ Sakura ở thôn B, phường H, thị xã Nghi Sơn và có nhu cầu mua dâm nên đặt vấn đề với H là tìm cho một cô gái bán dâm để H1 mua dâm và trả công cho H 200.000 đồng thì H đồng ý; khi đến nhà nghỉ Sakura thì H bảo H1 vào thuê phòng và đợi một lúc sẽ có nhân viên đến. Do có quen biết và biết nhà N có nhân viên nên H đến và đặt vấn đề với N về việc cho nhân viên đi bán dâm tại nhà nghỉ Sakura thì N hỏi H *"tiền nong thế nào?"* thì H trả lời *"500.000 đồng trên một lần, tý nữa khách đưa cho nhân viên"*; sau đó, N đồng ý và bảo M lên xe taxi của H để đi bán dâm (M đem theo 01 bao cao su đã chuẩn bị từ trước). Sau khi chở M đến nhà nghỉ Sakura để bán dâm; H quay lại quán của N thì được N đưa cho 50.000 đồng vì đã giới thiệu khách cho N.

Khi vào nhà nghỉ Sakura thì H1 gặp Lê Hữu C, sinh năm 1972, trú tại thôn C, phường H, thị xã N là chủ nhà nghỉ và muốn thuê 01 phòng nghỉ thì C cho H1 thuê phòng 303. Khoảng 10 phút sau thì M đến và hỏi C *"bạn em vừa*

đến thuê phòng nào?" thì được C cho biết là ở phòng 303. M vào phòng 303, H1 và M thống nhất giá bán dâm là 500.000 đồng; sau khi thỏa thuận xong giá mua bán dâm thì H1 và M tự cởi quần áo, M lấy bao cao su đeo vào dương vật của H1 và hai người bắt đầu quan hệ tình dục với nhau. Đến khoảng 22h45' cùng ngày, tổ công tác Công an thị xã Nghi Sơn tiến hành kiểm tra nhà nghỉ Sakura thì phát hiện tại phòng số 303, H1 và M đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Nghi Sơn đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị N tại thôn B, phường H, thị xã N, không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Đối với hành vi của Lê Hữu C cho Nguyễn Minh H1 thuê phòng, nhưng C không biết việc H1 thuê phòng để mua dâm nên hành vi của Lê Hữu C không cấu thành tội phạm.

Đối với hành vi mua, bán dâm của Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Thị M; Công an thị xã Nghi Sơn đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Đối với Công ty TNHH Mai Linh có địa chỉ tại số 298 - Trần Hưng Đạo, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa cho Nguyễn Xuân H thuê xe taxi BKS: 36A-348.xy để hành nghề vận tải hành khách. Đại diện công ty không biết việc H sử dụng xe taxi để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Về vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Nghi Sơn đã tiến hành tạm giữ những đồ vật sau:

- Thu giữ tại phòng nghỉ số 303 của nhà nghỉ Sakura nơi các đối tượng mua bán dâm 01 (một) bao cao su, đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe ô tô con, loại 05 chỗ, nhãn hiệu HYUNDAI i10, màu sơn: xanh, BKS: 36A-348.xy.

Tại Bản cáo trạng số 149/CT-VKSNS-HS ngày 14/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Lê Thị N, Nguyễn Xuân H về tội "Môi giới mại dâm" theo khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát (VKS) vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 và Điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a, b khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử phạt Lê Thị N từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng và Nguyễn Xuân H từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng Không áp dụng hình phạt bổ sung. Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử

dụng; Truy thu 250.000đ của bị cáo H để nộp ngân sách nhà nước. Hai bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, hai bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận với đại diện Viện kiểm và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Nghi Sơn , Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] ***Phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:***

Tại phiên tòa, bị cáo hai bị cáo đã khai nhận: Khoảng 22h45’ 02/7/2020, tổ công tác Công an thị xã Nghi Sơn kiểm tra, phát hiện tại phòng số 303 nhà nghỉ Sakura ở thôn B, phường H, thị xã N; Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Thị M đang thực hiện hành vi mua, bán dâm. Quá trình điều tra, xác định: Tối ngày 02/7/2020, tại thôn B, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Lê Thị N và Nguyễn Xuân H có hành vi môi giới cho Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Thị M thực hiện hành vi mua, bán dâm.

Lời khai nhận của hai bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời khai người làm chứng. Do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của Lê Thị N và Nguyễn Xuân H có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi và hậu quả thấy rằng: Hành vi phạm tội của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến truyền thống văn hóa, đạo đức, lối sống lành mạnh của dân tộc, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội, lây nhiễm HIV/AIDS. Vì vậy cần phải tuyên cho mỗi bị cáo một hình phạt nghiêm mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Đồng thời mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này hai bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nhưng sự đồng phạm mang tính giản đơn, không có sự phân công vai trò của từng bị cáo. Do đó Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn không truy tố hai bị cáo về phạm tội có tổ chức là hoàn toàn chính xác. Nhưng khi lượng hình cũng cần phải phân tích đánh giá vai trò của từng bị cáo.

Bị cáo N là người có vai trò cao hơn bị cáo H. Do đó bị cáo N phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo H là hoàn toàn chính xác.

Đối với hành vi của Lê Hữu C cho Nguyễn Minh H1 thuê phòng, nhưng C không biết việc H1 thuê phòng để mua dâm nên hành vi của Lê Hữu C không cấu thành tội phạm.

Đối với hành vi mua, bán dâm của Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Thị M; Công an thị xã Nghi Sơn đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội. Do đó cả hai bị cáo được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó bị cáo H được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo N đã có thành tích ủng hộ đồng bào miền trung bị bảo, lụt với số tiền là 1.000.000 đ và năm 2018 đã cứu giúp người bị tai nạn giao thông có xác nhận của UBND phường Hải Thượng. Bà nội bị cáo là mẹ việt nam anh hùng. Do đó bị cáo N được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo H có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo N có 1 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do đó Không cần thiết phải cách ly hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để hai bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo hai bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Xét về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

[6] Xét về vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe ô tô BKS: 36A-348.xy, chiếc xe này là của của công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa. Ngày 03/8/2020 Cơ quan điều tra Công an thị xã Nghi Sơn đã trả lại cho người đại diện hợp pháp của công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa.

- Đối với 01 bao cao su đã qua sử dụng đang quy trữ tại kho chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn theo phiếu nhập kho số NK2021/08 ngày 22/10/2020. Đây là công cụ để các đối tượng thực hiện hành vi mua bán dâm. Bao cao su này không còn giá trị sử dụng . Do đó cần phải căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và Điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 250.000 đ mà bị cáo H đang chiếm giữ (trong đó anh H1 đưa 200.000đ và bị cáo N đưa 50.000đ). Đây là số tiền mà bị cáo H có được do thực hiện hành vi phạm tội mà có. Do đó căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS và Điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS để truy thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Xét về án phí: Hai bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của khoản 2 điều 136 BLTTHS; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 328; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS đối với Lê Thị N

- Căn cứ Khoản 1 Điều 328; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS đối với Nguyễn Xuân H

2. Tuyên bố: Lê Thị N và Nguyễn Xuân H phạm tội " Môi giới mại dâm".

3. Xử phạt:

- Lê Thị N 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (ba sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/11/2020.

- Nguyễn Xuân H 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/11/2020.

Giao hai bị cáo cho chính quyền Ủy ban nhân dân phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4.Về vật chứng: Căn cứ Điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS và Điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng đang quy trữ tại kho chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn theo phiếu nhập kho số NK2021/08 ngày 22/10/2020.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Xuân H số tiền là 250.000đ (hai trăm năm mươi ngàn đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí HSST.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt hai bị cáo. Hai bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- UBND phường Hải Thượng;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Bắc